

1. Giới thiệu về so sánh các số

Chào các em! Hôm nay, chúng ta sẽ học một bài rất thú vị, đó là so sánh các số. Giống như khi các em so sánh xem ai có nhiều kẹo hơn, trong toán học, chúng ta cũng cần biết số nào lớn hơn, số nào bé hơn hoặc hai số có bằng nhau không. Để làm được điều đó, chúng ta sẽ dùng các dấu đặc biệt là dấu lớn hơn ($>$), dấu bé hơn ($<$) và dấu bằng ($=$).

2. Làm quen với các dấu so sánh: Lớn hơn ($>$), Bé hơn ($<$), Bằng ($=$)

Để dễ nhớ, các em hãy tưởng tượng các dấu $>$ và giống như miệng của một chú cá sấu. Chú cá sấu này rất tham ăn nên miệng của chú sẽ luôn mở về phía có nhiều đồ ăn hơn (số lớn hơn).

Dấu so sánh	Tên gọi	Ý nghĩa và Cách dùng
$>$	Dấu Lớn hơn	Dùng khi số bên trái lớn hơn số bên phải. Phần miệng mở rộng của dấu quay về phía số lớn hơn.
	Dấu Bé hơn	Dùng khi số bên trái bé hơn số bên phải. Phần mũi nhọn của dấu quay về phía số bé hơn.
$=$	Dấu Bằng	Dùng khi hai số có giá trị bằng nhau.

a. Dấu Lớn hơn (>)

- **Quy tắc:** Dấu ">" có phần mở rộng quay về phía số lớn hơn.
- **Giải thích:** Khi chúng ta viết " $5 > 3$ ", điều đó có nghĩa là số 5 có giá trị lớn hơn số 3.
- **Ví dụ 1:** So sánh 8 và 4. Vì 8 nhiều hơn 4, ta viết: **$8 > 4$** (Đọc là: Tám lớn hơn bốn).
- **Ví dụ 2:** So sánh 10 và 1. Vì 10 nhiều hơn 1, ta viết: **$10 > 1$** (Đọc là: Mười lớn hơn một).

b. Dấu Bé hơn (<)

- **Quy tắc:** Dấu "<" có phần mũi nhọn quay về phía số bé hơn.
- **Giải thích:** Khi chúng ta viết " $6 < 9$ ", điều đó có nghĩa là số 6 có giá trị bé hơn số 9.
- **Ví dụ 1:** So sánh 2 và 7. Vì 2 ít hơn 7, ta viết: **$2 < 7$** (Đọc là: Hai bé hơn bảy).
- **Ví dụ 2:** So sánh 15 và 25. Vì 15 ít hơn 25, ta viết: **$15 < 25$** (Đọc là: Mười lăm bé hơn hai mươi lăm).

c. Dấu Bằng (=)

- **Quy tắc:** Dấu "=" được dùng khi hai số có giá trị như nhau.
- **Giải thích:** Khi hai bên có số lượng bằng nhau, chúng ta dùng dấu bằng.
- **Ví dụ 1:** So sánh 9 và 9. Vì hai số giống hệt nhau, ta viết: **$9 = 9$** (Đọc là: Chín bằng chín).

- **Ví dụ 2:** So sánh 40 và 40. Ta viết: **40 = 40** (Đọc là: Bốn mươi bằng bốn mươi).

3. Các quy tắc so sánh số trong phạm vi 100

Để so sánh các số có hai chữ số, chúng ta có những quy tắc rất đơn giản. Các em hãy làm theo từng bước nhé!

a. Trường hợp 1: So sánh hai số có số chữ số khác nhau

- **Quy tắc:** Trong phạm vi 100, số có hai chữ số luôn luôn lớn hơn số có một chữ số. Số có ba chữ số (số 100) lớn hơn số có hai chữ số.
- **Giải thích:** Giống như có 10 cái kẹo thì chắc chắn nhiều hơn 9 cái kẹo. Số nào có nhiều chữ số hơn thì sẽ lớn hơn.
- **Ví dụ 1:** So sánh 15 và 8.
 - Số 15 có hai chữ số (1 và 5).
 - Số 8 có một chữ số.
 - Vì vậy, **15 > 8**.
- **Ví dụ 2:** So sánh 9 và 21.
 - Số 9 có một chữ số.
 - Số 21 có hai chữ số.
 - Vì vậy, **9 < 21**.
- **Ví dụ 3:** So sánh 100 và 99.
 - Số 100 có ba chữ số.

- Số 99 có hai chữ số.
- Vì vậy, **100 > 99**.

b. Trường hợp 2: So sánh hai số cùng có hai chữ số

Khi cả hai số đều có hai chữ số, chúng ta sẽ so sánh từ trái sang phải, bắt đầu từ hàng chục.

1. Bước 1: So sánh chữ số hàng chục.

- **Quy tắc:** Số nào có chữ số hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- **Giải thích:** Chữ số hàng chục cho biết số đó có bao nhiêu "chục", nên nó quan trọng hơn hàng đơn vị. Ví dụ, 3 chục (30) thì luôn lớn hơn 2 chục (20).
- **Ví dụ 1:** So sánh 52 và 39.
 - Số 52 có chữ số hàng chục là **5**.
 - Số 39 có chữ số hàng chục là **3**.
 - Vì $5 > 3$ nên **52 > 39**.
- **Ví dụ 2:** So sánh 67 và 81.
 - Số 67 có chữ số hàng chục là **6**.
 - Số 81 có chữ số hàng chục là **8**.
 - Vì $6 < 8$ nên **67 < 81**.

2. Bước 2: Nếu chữ số hàng chục bằng nhau, ta so sánh chữ số hàng đơn vị.

- **Quy tắc:** Nếu hai số có chữ số hàng chục bằng nhau, ta tiếp tục so sánh chữ số hàng đơn vị. Số nào có chữ số hàng đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- **Giải thích:** Khi số "chục" đã bằng nhau rồi, thì số nào có phần "lẻ" (hàng đơn vị) nhiều hơn thì sẽ lớn hơn.
- **Ví dụ 1:** So sánh 45 và 49.
 - Cả hai số đều có chữ số hàng chục là **4**.
 - Ta so sánh chữ số hàng đơn vị: Số 45 có hàng đơn vị là **5**, số 49 có hàng đơn vị là **9**.
 - Vì $5 < 9$ nên **45 < 49**.
- **Ví dụ 2:** So sánh 78 và 73.
 - Cả hai số đều có chữ số hàng chục là **7**.
 - Ta so sánh chữ số hàng đơn vị: Số 78 có hàng đơn vị là **8**, số 73 có hàng đơn vị là **3**.
 - Vì $8 > 3$ nên **78 > 73**.
- **Ví dụ 3 (trường hợp bằng nhau):** So sánh 92 và 92.
 - Chữ số hàng chục bằng nhau ($9 = 9$).
 - Chữ số hàng đơn vị cũng bằng nhau ($2 = 2$).

- Vì vậy, $92 = 92$.

4. Các dạng bài tập vận dụng

Dạng 1: Điền dấu $>$, $,$ $=$ vào chỗ chấm

Đây là dạng bài tập cơ bản nhất để các em luyện tập các quy tắc vừa học.

- **Bài tập 1:** $34 \dots 43$

Phân tích: So sánh hàng chục. 3 4. Vậy $34 < 43$.

Đáp án: **$34 < 43$**

- **Bài tập 2:** $68 \dots 61$

Phân tích: Hàng chục bằng nhau (đều là 6). So sánh hàng đơn vị. $8 > 1$. Vậy $68 > 61$.

Đáp án: **$68 > 61$**

- **Bài tập 3:** $99 \dots 100$

Phân tích: Số 99 có 2 chữ số, số 100 có 3 chữ số. Số có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn. Vậy $99 < 100$.

Đáp án: **$99 < 100$**

Dạng 2: Tìm số lớn nhất, số bé nhất trong một dãy số

Để tìm số lớn nhất hoặc bé nhất, các em hãy so sánh tất cả các số trong dãy với nhau.

- **Bài tập 1:** Tìm số lớn nhất trong các số sau: 25, 52, 19, 48.

Phân tích: Ta so sánh chữ số hàng chục của các số: 2, 5, 1, 4. Chữ số hàng chục lớn nhất là 5. Vậy số lớn nhất là 52.

Đáp án: Số lớn nhất là **52**.

- **Bài tập 2:** Tìm số bé nhất trong các số sau: 71, 68, 65, 70.

Phân tích: So sánh hàng chục, ta thấy có hai nhóm là 7 và 6. Hàng chục bé hơn là 6. Bây giờ ta chỉ cần so sánh hai số có hàng chục là 6: 68 và 65. Tiếp tục so sánh hàng đơn vị của chúng: $8 > 5$, vậy 65 bé hơn 68. Do đó, 65 là số bé nhất.

Đáp án: Số bé nhất là **65**.

Dạng 3: Sắp xếp các số theo thứ tự

Dạng bài này yêu cầu các em sắp xếp một dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.

- **Bài tập:** Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 47, 18, 74, 29, 41.

Phân tích: 1. Tìm số bé nhất: So sánh hàng chục (4, 1, 7, 2, 4), số có hàng chục bé nhất là 1. Vậy 18 là số bé nhất. 2. Số tiếp theo: So sánh các số còn lại, số có hàng chục bé tiếp theo là 2. Vậy số tiếp theo là 29. 3. Tiếp theo là các số có hàng chục là 4: 47 và 41. So sánh hàng đơn vị: $7 > 1$, vậy 41 bé hơn. Ta có thứ tự 41 rồi đến 47. 4. Số cuối cùng là số có hàng chục lớn nhất: 74.

Đáp án: Dãy số được sắp xếp là: **18, 29, 41, 47, 74**.